TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA
Bản án số**: 09**/2018/KDTM-ST
Ngày: 02/8/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiếu**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đức Đẹp**

Bà **Nguyễn Thị Tỉnh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Võ Thu Thủy** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số: 08/2018/TLST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2018 về "***Tranh chấp hợp mua bán hàng hóa"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST- KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LIÊN HIỆP M**

Địa chỉ: 276 đường N, Phường 5, Quận P, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, địa chỉ: 45/3 đường H – phường L – Thành phố N - tỉnh Khánh Hòa, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2018). Bà H có mặt tại phiên tòa.

* ***Bị đơn***: **CÔNG TY TNHH NT**

Địa chỉ: số 1157 (số cũ: 16) đường A, phường V, TP. N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Lê Thị Minh P**, địa chỉ: số 1157 (số cũ: 16) đường A, phường V, TP. N, tỉnh Khánh Hòa. – chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: ông Trần Minh T, địa chỉ: số 1157 (số cũ: 16) đường A, phường V, TP. N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. **Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày**: công ty TNHH Thương Mại Liên Hiệp M (*gọi tắt là Công ty M*) yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết buộc công ty TNHH NT (*gọi tắt là Công ty NT*) thanh toán tổng số tiền (bao gồm tiền nợ hàng hóa và tiền phạt chậm thanh toán) tạm tính đến ngày 18/11/2017 là **143.910.000đ***(Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm mươi ngàn đồng)* với nội dung cụ thể như sau:

Công ty M và công ty NT có mối quan hệ mua bán hàng hóa kể từ năm 2016. Ngày 02 tháng 10 năm 2016, giữa hai công ty M và công ty NT đã ký kết hợp đồng nguyên tắc bán hàng số 0110/16-LHMB-MP. Theo đó, công ty M bán điện thoại các loại cho công ty NT.

Giữa hai bên xác lập và thực hiện việc mua bán hàng hóa, công ty M bán hàng và xuất hóa đơn; công ty NT thực hiện nghĩa vụ thanh toán thông qua chuyển khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Trong 03 (ba) tháng 7, 8, 9/2017, công ty M đã xuất hàng hóa cho công ty NT qua các đơn hàng cụ thể:

Ngày	**Hóa đơn**	**Tên hàng hóa**	**Số lượng**	**Thành tiền (có VAT)**
07/7/2017	0002005	ĐTDĐ Zip Mobile Zip18	1.000 bộ	129.000.000đ
23/8/2017	0002528	ĐTDĐ Seoul 7	1 cái	2.762.000đ
23/8/2017	0002529	ĐTDĐ LV Mobile LV102	300 bộ	37.500.000đ
11/9/2017	0002764	ĐTDĐ LV Mobile LV182	100 bộ	29.100.000đ
		ĐTDĐ LV Mobile LV181	100 bộ	
Tổng				198.362.000đ

Ngày 26/8/2017, công ty NT chuyển trả lại máy điện thoại thuộc hóa đơn 1951 trị giá 67.358.000đ. Do đó, hiện nay, công ty NT còn nợ công ty M số tiền hàng là **198.362.000đ – 67.358.000đ =131.004.000đ** *(Một trăm ba mươi mốt triệu không trăm lẻ bốn ngàn đồng).*

Công ty M đã nhiều lần yêu cầu công ty NT thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng: Ngày 21/8/2017, công ty M gửi thư điện tử, yêu cầu công ty NT thanh toán tiền nợ hàng hóa. Ngày 07/9/2017, ngày 07/10/2017, ngày 18/11/2017, công ty Mi gửi biên bản xác nhận công nợ. Thế nhưng, công ty NT vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định. Căn cứ Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, công ty NT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của công ty M

Căn cứ quy định tại Khoản 7 Điều 5 Hợp đồng số 0110/16-LHMB-MP ngày 02/10/2016: *"Trường hợp Bên A chậm thanh toán tiền công nợ và thành nợ quá hạn (NQH), số tiền phạt của NQH = NQH * 0,1% * Số ngày quá hạn. Số tiền phạt này mặc định cộng vào công nợ hiện hữu của Bên A".*Tiền phạt chậm thanh toán tính đến ngày 18/11/2017 là **12.906.000đ** *(Mười hai triệu chín trăm lẻ sáu ngàn đồng)*.

Tổng cộng số tiền công ty NT phải thanh toán cho công ty M, bao gồm tiền nợ hàng hóa và tiền phạt chậm thanh toán là:

131.004.000đ +12.906.000đ = 143.910.000đ

(Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm mươi ngàn đồng)

Căn cứ Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, công ty TNHH NT M vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán.

Chính vì vậy, bằng đơn này, kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết buộc công ty TNHH NT thanh toán cho công ty TNHH Thương mại Liên hiệp M tổng số tiền nợ bao gồm tiền nợ hàng hóa và tiền phạt chậm thanh toán tạm tính đến ngày 18/11/2017 là **143.910.000đ***(Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm mươi ngàn đồng)*.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty M phải trả số nợ gốc **131.004.000đ**, về tiền lãi phạt chậm trả tính từ ngày 18/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm được tính theo lãi suất chậm trả là 13.5%/năm.

2. Bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho Công ty NT, tuy nhiên Công ty không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không thể ghi lời khai của Công ty.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Trần Minh T: Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T, tuy nhiên ông T không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không thể ghi lời khai của ông.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang cho rằng: nên chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản nợ tiền hàng là **131.004.000đ** và phải thanh toán thêm khoản lãi chậm trả từ ngày 18/11/2017 đến ngày xét xử trên số tiền nợ chưa thanh toán. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Minh Tiến vẫn vắng mặt; Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] **Về quan hệ tranh chấp:** Ngày 02/10/2016, ông Trần Minh T - đại diện Công ty TNHH NT có ký hợp đồng nguyên tắc bán hàng số 0110/16-LHMB-MP với và Công ty TNHH liên hiệp M. Tại thời điểm trên, tuy ông Trần Minh T không phải là đại diện theo pháp luật của Công ty NT nhưng thực tế Công ty NT đã nhiều lần thực hiện các giao dịch mua bán (nhận hàng và thanh toán) theo Hợp đồng mà ông Tiến đã đại diện ký kết với Công ty M. Mặt khác, quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã nhiều lần gửi các Thông báo nhắc nợ đến Công ty NT. Như vậy, đủ cơ sở để kết luận: người đại theo pháp luật của Công ty NT là bà Lê Thị Minh P đã đồng ý hoặc biết mà không phản đối việc ông Trần Minh T đại diện Công ty NT ký hợp đồng nguyên tắc bán hàng với Công ty M.

[3] Do đó: hợp đồng nguyên tắc bán hàng số 0110/16-LHMB-MP ngày 02/10/2016 do ông Trần Minh T ký kết với Công ty M có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của Công ty NT.

[4] Theo hợp đồng trên, Công ty M đã bán điện thoại và xuất hóa đơn cho Công ty NT, cụ thể:

+ Ngày 07/7/2017, xuất hóa đơn số 0002005, bán 1.000 bộ ĐTDĐ Zip Mobile Zip 18, giá: 129.000.000 đồng.

+ Ngày 23/8/2017, xuất hóa đơn số 0002528, bán 01 ĐTDĐ Seoul 7, giá: 2.762.000 đồng.

+ Ngày 23/8/2017, xuất hóa đơn số 0002529, bán 300 bộ ĐTDĐ LV Mobile LV102, giá: 37.500.000 đồng.

+ Ngày 11/9/2017, xuất hóa đơn số 0002764, bán 100 bộ ĐTDĐ LV181 và 100 bộ ĐTDĐ LV182, giá: 29.100.000 đồng.

Tổng cộng: 198.362.000 đồng.

Ngày 26/8/2017, Công ty NT chuyển trả lại cho Công ty M 01 đơn hàng theo hóa đơn số 0001951, giá trị: 67.358.000 đồng.

Các lần giao dịch hàng hóa trên, Công ty NT đều đã được nhận hàng đầy đủ và đã được xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

[5] Như vậy, Công ty NT còn nợ Công ty M số tiền là: 131.004.000 đồng. Các ngày 07/9/2017, 07/10/2017, 18/11/2017 Công ty M đã gửi biên bản xác nhận công nợ nhưng Công ty NT cũng không trả lời cũng không thanh toán tiền là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của Công ty M. Do đó, yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty NT phải thanh toán số tiền 131.004.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu lãi chậm trả. Xét thấy: bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên còn phải chịu một khoản tiền lãi chậm trả theo quy định. Do đó, chấp nhận yêu cầu lãi chậm trả của nguyên đơn, buộc Công ty NT phải thanh toán thêm khoản lãi chậm trả từ ngày 18/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 8 tháng 15 ngày trên số tiền nợ chưa thanh toán. Về mức lãi suất chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu 13,5%/năm (1,125%/tháng) là hợp lý, phù hợp với Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 306 Luật thương mại nên chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau:

131.004.000 đồng x (8 tháng 15 ngày) x 1.125%/tháng = 12.527.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả là: 131.004.000 đồng + 12.527.000 đồng = **143.531.000 đồng**.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định là: 7.176.000 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.597.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008548 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Nha Trang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Căn cứ Điều 50, 300, 301, 306, 307 của Luật Thương mại;
- Căn cứ Điều 146, 305 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Nghị quyết 04/2003/NQ-HĐTP ngày 27/5/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: **Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.**

1. Buộc bị đơn là Công ty TNHH NT phải trả cho Công ty TNHH Thương mại Liên hiệp M số tiền hàng còn nợ là 131.004.000 đồng và tiền lãi suất chậm thanh toán là 12.527.000 đồng. Tổng cộng: **143.531.000 đồng** (*bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm ba mươi mốt ngàn đồng*).

2. Án phí: Công ty TNHH NT phải chịu án phí kinh doanh, thương mại có giá ngạch theo quy định là: **7.176.000 đồng** (*Bằng chữ: Bảy triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*). Hoàn lại cho TNHH Thương mại Liên hiệp M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **3.597.000 đồng** *(Bằng chữ: ba triệu, năm trăm chín mươi bảy ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008548 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Nha Trang

3. Quy định:

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Nha Trang
- Đương sự
- THADS Tp Nha Trang
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiếu